

Số: 4417/QĐ-UBND

Gio Linh, ngày 03 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2013/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 35/2018/QH14, ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 37/2019/NĐCP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/QĐ-BXD ngày 29/6/2016 Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Văn bản số 845/SXD-QHKT ngày 06/5/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt;

Xét báo cáo thẩm định số 151/TĐ-QH, ngày 01/11/2022 của Phòng Kinh tế-Hạ tầng về kết quả thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Phát triển điểm dân cư xã Gio Việt.

2. Địa điểm: Xã Gio Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng và PTQĐ huyện Gio Linh.

4. Đơn vị lập quy hoạch: Công ty cổ phần Đức Tiến Quảng Trị.



5. Tính chất quy hoạch:

- Khu vực lập quy hoạch được xác định là điểm phát triển khu dân với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phát triển bền vững tạo không gian, cảnh quan, môi trường đô thị và phục vụ nhu cầu ở của người dân.

- Là khu dân cư mới, phục vụ mục đích phát triển các điểm dân cư mới tập trung. Có thiết kế quy hoạch đảm bảo các chỉ tiêu, định hướng quy hoạch chung của huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đồng thời áp dụng nhu cầu về nhà ở và dịch vụ của người dân trong vùng.

- Hình thành khu dân cư mới tập trung, phù hợp với tập quán sinh hoạt của người dân địa phương. Quy hoạch, xây dựng hệ thống hạ tầng tương đối hoàn chỉnh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong khu vực, tạo điều kiện thực hiện phát triển cho xã Gio Việt

6. Ranh giới quy hoạch:

Khu vực quy hoạch chi tiết thuộc thôn Hoàng Hà, xã Gio Việt, huyện Gio Linh với diện tích nghiên cứu quy hoạch là 5.518,81m². Có ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Bắc: Giáp khu dân cư đã đầu tư năm 2014
- + Phía Nam: Trường Mầm non
- + Phía Đông: Khu nghĩa địa và dân cư
- + Phía Tây: Giáp khu nghĩa địa

7. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích(m ²)	Tỷ lệ(%)
1	Đất ở	ONT	3.534,41	64,04
2	Đất giao thông	DGT	1.984,40	35,96
Tổng			5.518,81	100,0%

Mật độ xây dựng của từng lô đất được xác định căn cứ vào diện tích các lô đất cụ thể được chia khi thực hiện dự án, đảm bảo tuân thủ theo quy định tại bảng 2.31 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch xây dựng.

8. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan trong khu vực nhằm tạo một không gian sinh động, bộ mặt kiến trúc cảnh quan đẹp, thuận tiện, phù hợp với văn hoá địa phương, gắn liền với thiên nhiên, góp phần nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho dân cư.

- Các trục đường tổ chức không gian cây xanh, các tiện ích công cộng. Bố trí hợp lý tạo ra không gian sinh động cho dân cư. Tổ chức không gian chủ đạo trong khu vực sân vườn, ao hồ, cây xanh tạo không gian xanh để phục vụ cho nhu cầu đời sống tiện ích nhất, đáng sống ở nông thôn.

- Đối với các công trình nhà ở nằm trên tuyến đường phải chú ý đến hình thức kiến trúc, phải tạo điểm nhấn cho không gian trong khu vực quy hoạch, tăng cao theo bản đồ quy hoạch tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc. Các công

trình kiến trúc nhà ở khuyến khích xây nhà một tầng kiên cố, mái đổ bê tông cốt thép dán ngói, bố trí sân vườn thích hợp.

- Tổng diện tích đất ở là 3.534,41 m², chiếm tỷ lệ 64,04% diện tích toàn khu

- Mật độ xây dựng; tầng cao trung bình; hệ số sử dụng đất ở (theo Bảng chỉ tiêu tổng hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở).

Bảng chỉ tiêu tổng hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở

STT	KÝ HIỆU Ô ĐẤT	DIỆN TÍCH ĐẤT (M ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO TRUNG BÌNH (TẦNG)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	SỐ LÔ (LÔ)
1	ONT.01	2.456,91	70	2	3	1,4	13
2	ONT.02	1.077,50	70	2	3	1,4	08
	Tổng						21,0

Bảng thông kê các lô đất ở

STT	LÔ SỐ	KÍCH THƯỚC (M)				BO CẠNH	DIỆN TÍCH (M ²)
		CHIỀU DÀI (M)		CHIỀU RỘNG (M)			
		CD1	CD2	CR1	CR2		
ONT.01							
1	1	20,43	22,75	9,10	15,10	7,15	237,24
2	2	22,75	22,75	8,0	8,0		182,0
3	3	22,75	22,75	8,0	8,0		182,0
4	4	22,75	22,75	8,0	8,0		182,0
5	5	22,75	22,55	8,0	8,0		181,87
6	6	22,55	12,75	13,71	8,0	13,71	160,84
7	7	27,34	22,78	7,34	7,10	11,70	246,98
8	8	22,78	22,75	8,0	8,0		182,00
9	9	22,75	22,75	8,0	8,0		182,00
10	10	22,75	22,75	8,0	8,0		182,00
11	11	22,78	22,75	8,0	8,0		182,00
12	12	22,75	22,75	8,0	8,0		182,00
13	13	22,75	16,75	11,40	8,0	9,42	174,06
ONT.02							
1	14	11,57	17,42	8,0	8,0	9,42	132,16
2	15	17,42	17,24	8,0	8,0		137,74
3	16	17,24	17,11	8,0	8,0		137,51
4	17	17,11	16,96	8,0	8,0		136,28
5	18	16,92	16,80	8,0	8,0		135,05
6	19	16,80	16,65	8,0	8,0		133,82
7	20	16,65	16,50	8,0	8,0		132,60

STT	LÔ SỐ	KÍCH THƯỚC (M)				BO CẠNH	DIỆN TÍCH (M ²)
		CHIỀU DÀI (M)		CHIỀU RỘNG (M)			
		CD1	CD2	CR1	CR2		
8	21	16,50	16,34	8,0	8,0		131,37

- Diện tích đất giao thông là 1.984,4 m², chiếm tỷ lệ 35,96% diện tích.

9. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông trong khu vực quy hoạch được thiết kế trên nguyên tắc bảo đảm an toàn, hợp lý, liên hệ với bên ngoài thuận tiện.

- Giao thông đối nội và đối ngoại trong khu vực quy hoạch:

+ Mặt cắt (1-1) là 10,0m = (2,25m + 5,5m + 2,25m).

+ Mặt cắt (2-2) là 13,5m = (4,25m + 5,0m + 4,25m) kế thừa giữ nguyên.

+ Mặt cắt (3-3) là 10,0m = (2,25m + 5,5m + 2,25m).

- Kết cấu áo đường cấp cao là A1 bằng bê tông xi măng

- Tải trọng thiết kế: Nền đường trục xe 100KN; cống H30-XB80

- Công trình trên tuyến xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT. Hệ thống thoát nước được bố trí hai bên tuyến.

- Hệ phổ bố trí cây xanh, điện chiếu sáng và các công trình hạ tầng kỹ thuật liên quan.

Bảng thống kê khối lượng giao thông

TT	Các loại mặt cắt	Chiều dài (m)	Bề rộng nền đường (m)	Chiều rộng (m)			Diện tích (m ²)		
				Mặt đường	Hè đường	HL GT	Mặt đường	Hè đường	HL GT
1	Mặt cắt 1-1	61,0	10,0	5,5	2x2,25m	0	336	610	0
2	Mặt cắt 3-3	145	10,0	5,5	2x2,25m	0	798	1450	

b. San nền

Giải pháp san nền: Khu vực nghiên cứu có địa hình nghiêng thấp so với các tuyến giao thông trong khu vực. Vì vậy, việc san nền chủ yếu là đắp tạo mặt bằng, bám sát địa hình xung quanh, cao độ các tuyến đường giao thông đảm bảo thoát nước tự nhiên tốt nhất, các yếu tố sau:

* Cao độ san nền từ 0,6 ÷ 1,2m.

* Độ dốc san nền: Độ dốc ngang và độ dốc dọc $i = 0,4\% \div 2,0\%$ để đảm bảo thoát nước là tốt nhất.

* Hệ số đầm nén $K \geq 0,85$.

Bảng khối lượng đào đắp

STT	Thành phần	Tổng	Đơn vị tính
1	Khối lượng đào	10,41	M ³

STT	Thành phần	Tổng	Đơn vị tính
2	Khối lượng đắp	2888,98	M3
3	Diện tích đào	66,32	M2
4	Diện tích đắp	5.452,51	M2

c. Thoát nước mưa:

+Nguyên tắc thiết kế:

- Trên cơ sở phân tích hiện trạng tiêu thoát nước, kết hợp với quy hoạch sử dụng đất, giao thông, san nền của khu vực dự án, từ đó nghiên cứu và đề ra giải pháp quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa.

- Mạng lưới thoát nước mưa là một khâu được thiết kế để đảm bảo thu và vận chuyển nước mưa ra khỏi khu vực xây dựng một cách nhanh nhất. Chống ngập úng trên đường và các khu vực dân cư. Để đạt được yêu cầu trên khi quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa cần dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên để bố trí thoát nước tự chảy;
- Nước mưa được xả thẳng vào nguồn gần nhất (ao, muông, sông, hồ);
- Tránh xây dựng các trạm bơm thoát nước mưa;
- Tận dụng các ao hồ sẵn có để điều hoà nước mưa;
- Tuân thủ hiện trạng tiêu thoát, các hướng thoát nước hiện có, gắn kết với các công trình thủy lợi đã định hình để không phải cải tạo thay đổi các khu vực nằm ngoài dự án. Cơ bản không làm thay đổi tính chất thoát nước của khu vực.
- Hệ thống thoát nước mưa phải bao trùm toàn bộ các khu vực xây dựng, bảo đảm thu và tiêu thoát tốt lượng nước mưa trong ranh giới quy hoạch, có tính tới một phần lưu vực lân cận dự án.
- Không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường.
- Không xả nước vào những chỗ trũng không có khả năng tự thoát nước, vào các ao tù nước đọng và vào các vùng dễ bị xói mòn.

Hệ thống thoát nước được thiết kế theo tiêu chuẩn sau:

- TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCXD 3989-2012: Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài.
- QCVN 07-2:2016 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước
 - Các phụ lục tra thủy lực đường cống thoát nước.
- + Quy hoạch mặt bằng mạng lưới thoát nước mưa
 - Phương án quy hoạch
 - Hướng thoát nước mưa tuân thủ theo hướng dốc nền xây dựng của bản vẽ Quy hoạch San nền.
 - Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa được thu gom vào hệ thống công dọc và đấu nối với hệ thống thoát nước hiện trạng ở phía Tây – Bắc ranh giới dự án theo định hướng quy hoạch chung.

- Các tuyến cống thoát nước được quy hoạch có hướng thoát phù hợp với hướng dốc của san nền. Các tuyến cống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất.

- Khu vực cây xanh tận dụng tính tự thấm của mặt phủ.

- Do địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc đường nhỏ hơn độ dốc tối thiểu để thoát nước tự chảy nên cống được thiết kế với độ dốc tối thiểu để giảm chiều sâu chôn cống, cao độ mặt cống bám sát cao độ san nền.

- Để thoát nước cho đường, phía cuối dốc mặt cắt ngang đường xây dựng các rãnh biên với độ dốc đảm bảo yêu cầu thoát nước tự chảy và bố trí các giếng thu nước mưa tại các điểm tụ thủy.

- Để tiện cho việc nạo vét và kiểm tra, giếng thăm được bố trí tại các điểm thay đổi hướng tuyến và thay đổi kích thước cống. Khoảng cách giữa hai giếng thu khoảng 30m.

- Cống thoát nước được sử dụng BTCT chịu lực, các tuyến cống được thiết kế theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D - đường kính cống, mm).

- Bề dày lớp đất trên cống tính từ cao độ mặt nền tới đỉnh cống nhỏ nhất là 0,5m dưới đường và 0,3m với cống dưới hè.

- Cao độ đặt cống được chọn trên cơ sở hệ thống cống thoát nước tự chảy.

+ Các hạng mục chính của mạng lưới thoát nước mưa

- Cống: Cống thoát nước mưa cho dự án được thiết kế sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, được chôn ngầm và nổi bằng hố ga để vừa bảo đảm mỹ quan vừa thuận tiện cho việc xây dựng và quản lý. Các cống thoát nước mưa có khẩu độ thay đổi và được bố trí dưới lòng đường, sát mép đường trên các tuyến đường giao thông.

- Giếng thu và giếng thăm: Các giếng thu được xây dựng riêng biệt hoặc kết hợp giếng thăm trên hệ thống cống để thu nước mưa mặt đường và để nổi cống. Các giếng thăm được xây dựng để tạo lối tiếp cận với các cống để kiểm tra, tháo rửa và sửa chữa cống. Các giếng thăm, giếng thu được đặt tại các vị trí cần thiết (điểm giao nhau giữa các tuyến cống) và trên những khoảng cách quy định trong TCXD 7957:2008. Tại các nút có sự chênh lệch cao độ đáy cống lớn giữa các tuyến, các giếng chuyên bậc sẽ được bố trí theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn.

+ Xác định lưu lượng tính toán:

- Theo bảng tính toán lưu lượng thoát nước theo TCVN 7957:2008 – Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài ta có: Lưu lượng nước mặt: 1.556,68 l/s. (Bảng tính chi tiết đính kèm).

- Từ lưu lượng trên ta chọn cống tròn bê tông cốt thép D800-D600.

+ Tổng hợp các tuyến ống thoát nước mưa:

- Tổng hợp khối lượng xây dựng hệ thống thoát nước mưa toàn khu được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Ống cống D600	m	334

2	Ông công D800	m	210
3	Giếng thăm	hố	29
4	Hố thu	hố	29

d. Hệ thống cấp nước

+ Nguyên tắc thiết kế:

- Tuân theo các tiêu chuẩn, qui chuẩn có liên quan đã ban hành.
- Đảm bảo lưu lượng và áp lực tại mọi điểm trên mạng lưới.
- Vạch tuyến mạng lưới đảm bảo nước cung cấp đến mọi đối tượng dùng nước và chiều dài tuyến ống là ngắn nhất.

+ Cơ sở thiết kế:

- Tiêu chuẩn thiết kế TCXDVN 33 : 2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình.

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4513 : 1988 - Cấp nước bên trong.

- QCVN 07-1:2016 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước

+ Nguồn cấp nước:

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ tuyến ống D300 dọc hành lang phía Bắc đường Quốc lộ 9 do Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị quản lý vận hành.

+ Xác định nhu cầu dùng nước:

- Căn cứ quy hoạch phân lô, tính toán nhu cầu dùng nước công trình phục vụ cho 21 lô đất điểm dân cư với số lượng người dự kiến là 5 người/phân lô và dự kiến cấp cho khu dân cư đã đầu tư năm 2014.

- Tiêu chuẩn dùng nước: Theo bảng 3.1 mục II TCVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình lựa chọn: Tiêu chuẩn nước cấp mục đích sinh hoạt: $q=150 \text{ l/ng.ngđ}$, tỷ lệ cấp nước 100% tổng số dân.

- Lưu lượng nước tính toán cho ngày dùng nước lớn nhất cho nhu cầu sinh hoạt được tính theo công thức:

$$Q_{\text{maxngày}} = \frac{f * N * q}{1000}$$

Trong đó: f : Hệ số dùng nước.

N : số dân được cấp nước của khu vực .

q : tiêu chuẩn dùng nước cho khu vực.

$K_{ngđ}$: hệ số dùng nước không điều hoà ngày; chọn $K_{ngđ}=1,2$.

- Lưu lượng tính toán cho giờ dùng nước nhiều nhất:

$$Q_{\text{maxgiờ}} = K_{\text{maxgiờ}} * Q_{\text{maxngày}}/24$$

Trong đó: $K_{\text{maxgiờ}}$: hệ số dùng nước không điều hoà giờ. Xác định theo biểu thức

$K_{\text{maxgiờ}} = \alpha_{\text{max}} * b_{\text{max}}$ (α_{max} : Hệ số kể đến mức độ tiện nghi công trình, chế độ làm việc của các cơ sở sản xuất và điều kiện địa phương khác. Chọn $\alpha_{\text{max}} = 1,2$; b_{max} Hệ số kể đến số dân trong khu dân cư từ 100 đến 150 người. Chọn $b_{\text{max}} = 4,25$. Như vậy $K_{\text{maxgiờ}} = 5,1$)

- Công suất cấp nước cho công trình được tổng hợp theo bảng sau:

STT	Các thành phần dùng nước	Đơn vị	Cách tính	Công suất tính toán
1	Dân số được cấp nước	Người	$N_{tt}=100\%$	105
2	Tiêu chuẩn dùng nước	l/ng- ngđ	q	150
3	Nước cấp cho sinh hoạt	m ³ /ngđ	Q shtb	15,75
4	Nước công cộng và dịch vụ	m ³ /ngđ	$Q_{cc} = 10\%$ Qshtb	1,58
6	Nước thất thoát	m ³ /ngđ	$Q_{rr} = 15\%$ Q shtb	2,36
7	Công suất trung bình ngày	m ³ /ngđ	Q _{tb} ngđ	19,69
8	Công suất ngày max	m ³ /ngđ	Q _{max-ngđ}	23,63
	($K_{max-ngđ} = 1,2$)			
9	Công suất giờ max	m ³ /giờ	Q _{max-giờ}	5,02
	($K_{max-giờ} = 5,1$)			
	Quy đổi	l/s		1,39

Vậy tổng công suất cấp nước cho khu vực quy hoạch làm tròn là: 24,0 (m³/ngày đêm).

+ Vạch tuyến mạng lưới đường ống:

- Sơ đồ mạng & tuyến: Mạng lưới đường ống được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp với mạng nhánh.

- Việc tính toán mạng lưới dựa trên các cơ sở sau: Áp lực nước tại điểm tiêu thụ không được nhỏ hơn 10m. Tất cả các đường ống cấp nước phải chôn sâu dưới mặt đất tính tới đỉnh ống ít nhất là 0.7m đối với ống qua đường và 0.5m đối với ống đi trên vỉa hè.

- Mạng lưới đường ống được tính toán thiết kế đảm bảo trường hợp bất lợi nhất cho giờ dùng nước lớn nhất.

- Toàn bộ hệ thống mạng lưới cấp nước được bố trí trên vỉa hè để thuận tiện cho việc quản lý sau này.

- Độ sâu chôn ống: Độ sâu chôn ống lựa chọn đảm bảo theo quy chuẩn hiện hành về công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07-1/2016/BXD.

* Lựa chọn vật liệu sử dụng thiết kế hệ thống cấp nước

+ Ống nhựa HDPE lựa chọn loại PE100, PN10 đạt tiêu chuẩn TCVN 7305: 2008, ISO 4427.

+ Phụ kiện côn, cắt, măng sông đồng bộ với chủng loại ống.

+ Ống thép lồng qua đường đạt tiêu chuẩn ASTM A53.

+ Van chặn mặt bích sử dụng loại van gang ty chìm OKM, TC BSS 5163:2004 cấp áp lực $\geq 10\text{bar}$.

+ Van chặn ren sử dụng chủng loại van ANA đạt tiêu chuẩn AWWA C508-2009.

Thông kê khối lượng mạng lưới cấp nước

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống cấp nước HDPE D100	m	432
2	Ống cấp nước HDPE D65	m	176
3	Ống cấp nước HDPE D50	m	40

e. Quy hoạch cấp điện

+ Nguyên tắc thiết kế:

- Thiết kế hệ thống điện cho khu quy hoạch bao gồm: Tính toán, giải pháp thiết kế cấp điện, xác định vị trí, công suất trạm biến thế, hướng tuyến điện cao thế và mạng lưới hạ thế. Tuy nhiên vị trí đầu dây cụ thể vào từng phụ tải phụ thuộc vào mặt bằng cấp điện trong từng phụ tải.

+ Căn cứ thiết kế:

- 11 TCN - (18□21) – 2006 Quy phạm trang bị điện
 - QCVN 07-5:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị - Công trình cấp điện

- TCXDVN 259:2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị

- QCVN 01:2021/QĐ-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Các qui định khác của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Điện lực trong công tác quản lý, vận hành và kinh doanh bán điện.

+ Yêu cầu cấp điện:

- Hệ thống cấp điện cho khu vực này là điện sinh hoạt phục vụ cho các hộ dân và điện chiếu sáng cho khu vực công cộng.

+ Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện cho dự án lấy từ lưới điện 0,4kV thuộc tuyến đường dây đã đầu tư cho khu quy hoạch năm 2014.

+ Nhu cầu phụ tải:

- Trong khu vực dự án cấp điện cho 21 hộ trong quy hoạch khoảng 105 người và các công trình công cộng trong khu vực dự án

- Theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng của Bộ Xây dựng đô thị loại V: 330W/người tối thiểu vùng dân cư nông thôn 150W/người.

- Điện công trình công cộng đối với nông thôn: 15% phụ tải điện sinh hoạt;

- Bảng tính nhu cầu phụ tải và công suất:

STT	Tên thiết bị dùng điện	Đơn vị	Số lượng	Phụ tải				Tổng công suất(kW)	
				Giai đoạn hiện tại		Giai đoạn sau 10 năm		P0	P10
1	Điện phục vụ sinh hoạt (tính theo người)	Người	105	15 0	kw/100 0 người	330	kw/100 0 người	15,75	34,65
2	Công trình công cộng	%	15%					2,36	5,20
3	Dự phòng	%	10%					1,81	3,98
Cộng								19,92	43,83

Xét thấy phụ tải của đường dây 0,4kV hiện trạng vẫn đáp ứng nhu cầu cấp cho 21 hộ dân trong khu vực dự án.

+ Lưới điện hạ áp: Được thiết kế đi nổi, kết cấu lưới 3 pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp, dây dẫn sử dụng cáp vặn xoắn LV/ABC 4*95mm²; LV/ABC 4*70mm², cột BTLT 10m. Tim cột bố trí cách mép đường 0,5m. Được đấu nối vào hệ thống hạ áp 0,4kV của khu dân cư hiện trạng với chiều dài đường dây 55m và bố trí 02 cột đôi.

+ Lưới điện chiếu sáng:

Bố trí hệ thống điện chiếu sáng được bố trí đi kết hợp, sử dụng tay bắt cần đèn lắp trên cột BTLT hiện có, độ cao treo đèn 9m;
Sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, khoảng cách bố trí các cột 30-35m, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m².

- Hệ thống đèn chiếu sáng đường được điều khiển từ các tủ điện chiếu sáng đặt tại trạm biến áp khu vực 22/0,4KV với chế độ điều khiển đóng cắt tự động theo thời gian.

- Cấp điện cho hệ thống chiếu sáng sử dụng cáp hạ áp LV/ABC 4*25mm² cho tuyến đi nổi.

f. Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt được thu gom tại bể tự hoại của mỗi hộ gia đình.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyên đến khu xử lý tập trung của xã.

g. Tổng hợp đường dây, đường ống

- Mục đích yêu cầu:

Quy hoạch chi tiết tổng thể đường dây đường ống nhằm đảm bảo sự hợp lý về bố trí mặt bằng và chiều sâu đặt các tuyến ống, tránh sự chồng chéo giữa các tuyến kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn cho phép giữa các tuyến kỹ thuật cũng như tránh được những khó khăn trong quá trình thi công và quản lý hệ thống kỹ thuật.

Thiết kế quy hoạch tổng hợp đường dây đường ống căn cứ vào quy phạm thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị của Bộ Xây Dựng, đồng thời kết hợp với tình hình thực tế tại khu vực thiết kế.

- Nguyên tắc thiết kế:

Ưu tiên bố trí các loại đường ống tự chảy, đường ống có kích thước lớn và thi công khó.

Đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo Tiêu chuẩn, Quy phạm giữa các đường dây, đường ống với nhau và hạn chế giao cắt giữa các tuyến kỹ thuật.

Bố trí hệ thống đường dây, đường ống đi trên vỉa hè hoặc hành lang riêng. Trường hợp phải bố trí dưới lòng đường xe chạy thì chỉ bố trí những đường ống bị hư hỏng, ít bị sửa chữa, độ sâu chôn ống phải đảm bảo theo quy định thiết kế.

h. Giải pháp quy hoạch:

- Các đường dây cao thế đi trên cột bê tông.
- Cột điện cấp điện cách bó vỉa từ 0,5m đến 0,8m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m.
- Cột điện chiếu sáng cách bó vỉa từ 0,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m.
- Rãnh thoát nước đặt hai bên mép vỉa hè.

10. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

- Kinh phí: Tổng chi phí khoảng 255.196.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

-	Chi phí lập đồ án quy hoạch	160.704.000	đồng
-	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	22.658.000	đồng
-	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	4.196.000	đồng
-	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	18.302.000	đồng
-	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	15.773.000	đồng
-	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư	2.976.000	đồng
-	Chi phí công bố quy hoạch	5.000.000	đồng
-	Chi phí khảo sát	15.734.000	đồng
-	Cấm mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa	8.982.000	đồng
-	Giám sát công tác khảo sát	641.000	đồng
-	Giám sát công tác cấm mốc giới quy hoạch	230.000	đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Điều 2. Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch.

Giao Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ chủ trì, phối hợp với UBND xã Gio Việt và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch để các tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện quản lý quy hoạch theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Gio Việt; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ và Thủ trưởng các cơ quan, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lg*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy; (b/c)
- TT. HĐND huyện; (b/c)
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các PVP UBND huyện;
- UBND xã Gio Việt;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

